TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 82 (04/2022)

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 82 (04/2022)

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH CIPO TRONG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGÀNH VIỆT NAM HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Application of the CIPO model in training management for Vietnamese studies at Saigon University

TS. Tạ Quang Trung[(1),] ThS. Nguyễn Thị Lan Hạnh[(2)], TS. Nguyễn Mạnh Tiến[(3)], ThS. Nguyễn Thành Phương[(4)], ThS. Nguyễn Thị Minh Thư[(5)]
[(1), (2), (3), (4), (5)] Khoa Văn hóa và Du lịch, Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Quản lý hoạt động đào tạo theo mô hình CIPO là cách tiếp cận chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Nội dung bài báo đánh giá hiệu quả quản lý đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) thông qua mô hình CIPO với các yếu tố (1) Yếu tố bối cảnh, (2) Yếu tố đầu vào, (3) Yếu tố quá trình, (4) Yếu tố đầu ra. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao chất lượng đào tạo ngành Việt Nam học tại Trường Đại học Sài Gòn.

Từ khóa: *Đại học Sài Gòn, Mô hình CIPO, ngành Việt Nam học, Quản lý đào tạo*

ABSTRACT

Management of training activities based on the CIPO Model is an approach to training programs associated with the practical needs of the labor market. The content of the article evaluates the effectiveness of training management in Vietnamese studies (Culture - Tourism) by the CIPO model with: (1) Context factors; (2) Input factors; (3) Process factors; and (4) Output factors. On that basis, the article proposes a number of solutions to help improve the quality of training in Vietnamese studies at Saigon University.

Keywords: *Saigon University, CIPO model, Vietnamese studies, training management*

1. Đặt vấn đề

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của đào tạo là nâng cao chất lượng, bởi nó không chỉ thể hiện tính ưu việt của chương trình đào tạo mà còn khẳng định vị thế của cơ sở giáo dục nói chung và từng ngành học nói riêng. Với vị trí quan trọng của văn hóa, du lịch trong nền kinh tế nước nhà, việc cung ứng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề là một trong những yếu tố cần thiết và cấp bách, đặc biệt trong thời kỳ bình thường mới sau đại dịch COVID 19. Ngành Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa – Du lịch), Trường Đại học Sài Gòn với mục tiêu đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động du lịch là một hướng đi đúng đắn và hoàn toàn phù hợp với bối cảnh phát triển du lịch trong nước và thế giới. Việc nâng cao chất lượng đào tạo phụ thuộc vào việc tiếp cận các mô hình quản lý đào tạo tiên tiến trên thế giới. Đây là điều kiện cần và đủ để giải quyết

Email: tqtrung@sgu.edu.vn

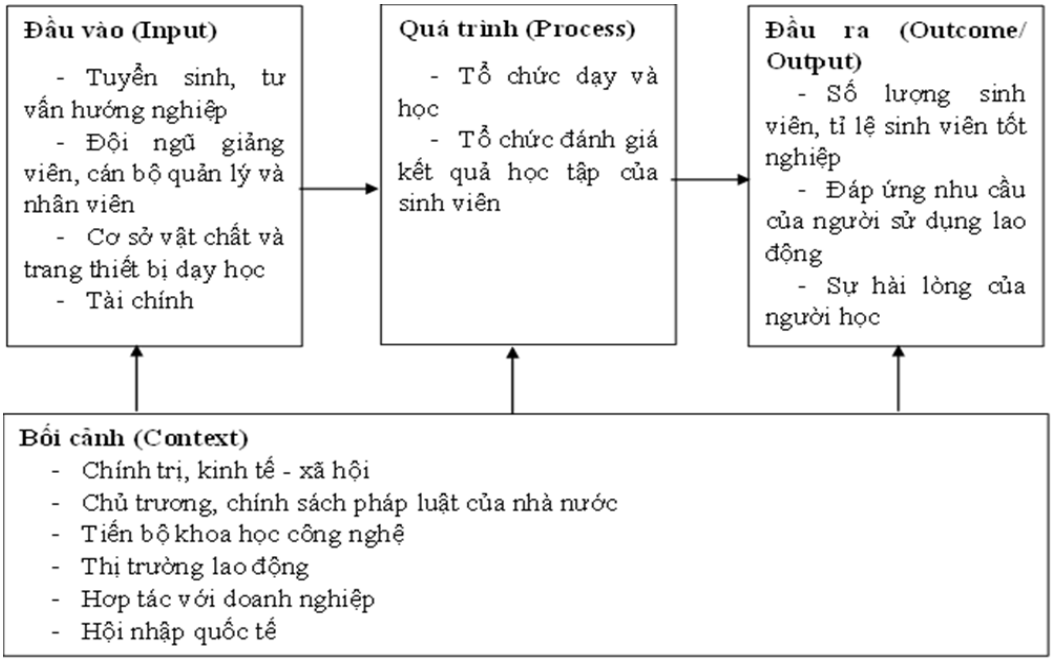
bài toán chất lượng. Trong đó, mô hình CIPO (Context-Input-Process-Output/ Outcome) của UNESCO đã và đang được ứng dụng khá rộng rãi ở nhiều ngành đào tạo. Ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) tại Trường Đại học Sài Gòn đã ứng dụng mô hình CIPO trong công tác xây dựng chương trình đào tạo, tuy nhiên, công tác quản lý đào tạo vẫn chưa đồng bộ. Vì vậy, nhóm tác giả xác định mục tiêu của nghiên cứu bao gồm: (1) Nghiên cứu vận hành mô hình CIPO trong quản lý đào tạo; (2) Thực trạng đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) tại Trường Đại học Sài Gòn thông qua ứng dụng mô hình CIPO; (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về mô hình giáo dục CIPO

Mô hình CIPO được Scheerens xây dựng vào năm 1990 với 4 yếu tố cấu thành là C - Context (bối cảnh), I - Input (đầu vào), P - Process (quá trình), O - Output/Outcome (đầu ra) (Nguyễn Nguyên Phong, 2019, tr.673). Đây là mô hình quản lý chất lượng đào tạo theo quá trình nhưng có bổ sung thêm yếu tố bối cảnh tác động đến hoạt động đào tạo như tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội; luật pháp, chính sách giáo dục; sự tiến bộ của khoa học công nghệ… và có thể vận dụng quản lý ở nhiều cấp: cấp hệ thống, trường học và lớp học (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2017; Nguyễn Ngọc Trang, 2018). Mô hình CIPO được mô tả qua sơ đồ 1.

Sơ đồ 1: Mô hình CIPO trong hoạt động quản lý đào tạo



Trong mô hình CIPO, yếu tố đầu vào sẽ tác động lên yếu tố đầu ra thông qua quá trình, tuy nhiên, quá trình này chịu sự chi phối của các điều kiện bối cảnh với đầu vào, quá trình và đầu ra (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2017). Điều đó cho thấy rằng

bối cảnh luôn tác động và chi phối đến yếu tố đầu vào, quá trình và yếu tố đầu ra.

Mô hình CIPO có ưu điểm là bao quát được nội dung của các mô hình Kiểm soát chất lượng, Kiểm soát quá trình, Quản lý chất lượng đào tạo theo quá trình, ngoài ra còn đề cập đến tác động của bối cảnh. Đây là tác động có ảnh hưởng lớn đến đào tạo và quản lý đào tạo ở nước ta đặc biệt là đối với ngành du lịch trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế (Trần Văn Long, 2015, tr.27). Do vậy, mô hình CIPO có nhiều yếu tố phù hợp với hoạt động đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng các phương pháp sau:

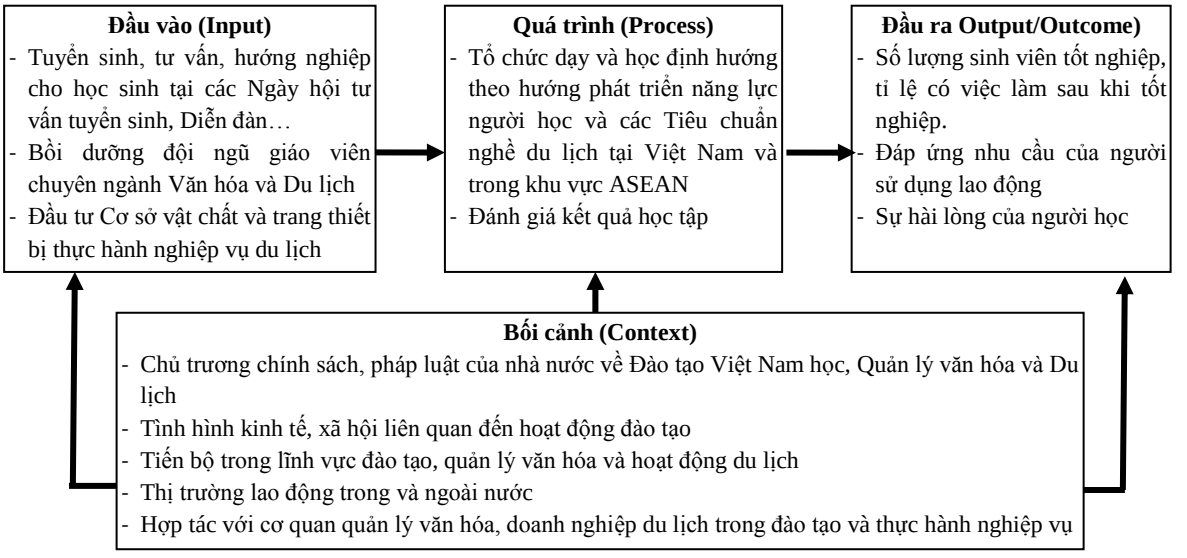
Phương pháp thống kê: Các tài liệu thống kê được lấy nguồn từ Báo cáo của khoa Văn hóa và Du lịch hàng năm, Báo cáo về tình hình việc làm hàng năm, Báo cáo tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Sài Gòn. Các số liệu trên được thu thập và xử lý để làm sáng tỏ hiệu quả quản lý đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) thông qua mô hình CIPO.

Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp: Trong suốt quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã phân tích, so sánh, tổng hợp về thực trạng đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) từ đó đưa ra một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả đào tạo trong quá trình hội nhập quốc tế.

2.3. Thực trạng ứng dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) tại Trường Đại học Sài Gòn

Với những ưu điểm nổi bật, vận dụng mô hình CIPO trong hoạt động quản lý đào tạo cấp bậc ngành học là rất cần thiết và phù hợp xu hướng phát triển. Theo đó, hoạt động quản lý đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) tại Trường Đại học Sài Gòn theo mô hình CIPO như sau:

Sơ đồ 2: Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo ngành Việt Nam học tại Khoa Văn hóa và Du lịch, Đại học Sài Gòn



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2022

Dựa vào mô hình trên, việc quản lý hoạt động đào tạo ngành Việt Nam học theo mô hình CIPO là hoạt động có mục đích và phải đảm bảo tính tác động giữa yếu tố bối cảnh lên yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra, cụ thể như sau:

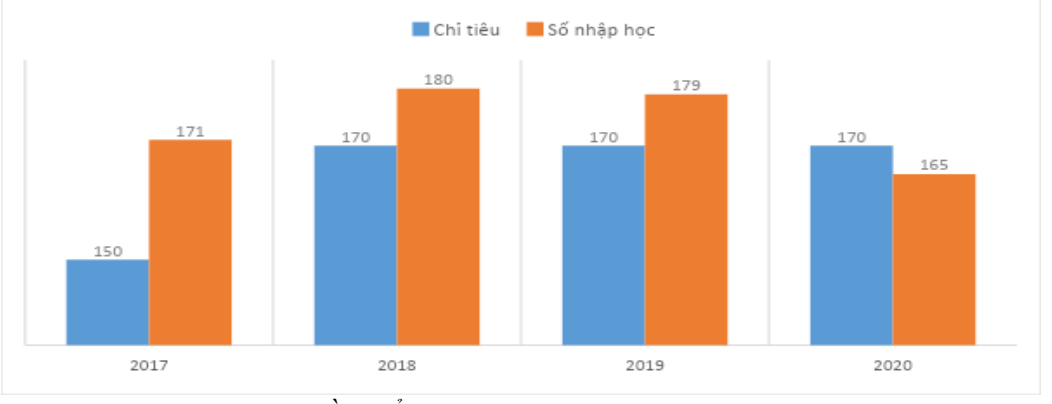
2.3.1. Quản lý các yếu tố đầu vào phù hợp bối cảnh xã hội

a) Quản lý hoạt động tuyển sinh hướng đến nhu cầu xã hội

Nhu cầu nguồn nhân lực du lịch có trình độ, chất lượng ngày càng gia tăng trong những năm gần đây. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân TPHCM cũng đã đưa ra Quyết định số 2426/QĐ-UBND của về việc phê duyệt Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế giai đoạn 2020-2035 trong đó có ngành Du lịch. Những chủ trương, chính sách này là cơ sở pháp lý và tiền đề quan trọng góp phần định hướng cho công tác quản lý đào tạo ngành Việt Nam học tại trường Đại học Sài Gòn.

Biểu đồ 1: Quy mô tuyển sinh ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) từ 2017 đến 2020

Đơn vị: người



Nguồn: Tổng hợp từ https://tuyensinh.sgu.edu.vn/diem-chuan-cac-nam

Qua biểu đồ trên cho thấy, từ năm 2017 đến 2019 số lượng sinh viên nhập học thực tế luôn cao hơn chỉ tiêu. Riêng năm 2020, số lượng nhập học có giảm nhưng không đáng kể. Bên cạnh đó, điểm đầu vào ngành Việt Nam học (với tổ hợp Văn, Sử, Địa) cũng tăng lên hàng năm từ 17 điểm (2009) đến 22 điểm (2020). Từ đó cho thấy, nhu cầu xã hội về đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) là rất lớn và chất lượng đào tạo của ngành ngày càng được khẳng định.

Tuy nhiên, chỉ trong hai năm 2020, 2021, tại Việt Nam, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhân lực du lịch bị thất thoát rất nhiều, khoảng 1/3 lao động chuyển sang lĩnh vực khác (Diệp Anh, 2022). Trước tình hình trên, hoạt động tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp phải được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, đặc biệt là dựa trên dự báo nhu cầu nguồn nhân lực du lịch và bám sát các chủ trương chính sách của nhà nước. Nhận thấy được tầm quan trọng đó, hàng năm Khoa Văn hóa và Du lịch đã tổ chức nhiều buổi báo cáo chuyên đề, tọa đàm hỗ trợ sinh viên tiếp cận thông tin thị trường nhân lực du lịch trong và ngoài nước.

b) Quản lý đội ngũ giảng viên nhằm đào tạo theo năng lực người học

Đội ngũ giảng viên là lực lượng nòng cốt, họ không chỉ chuẩn hóa kiến thức mà còn phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn là một trong những nhiệm vụ cấp bách mà bất kỳ cơ sở giáo dục đại học nào cũng cần phải thực hiện. Hiện nay, Khoa Văn hóa và Du lịch có 19 giảng viên trong đó có 01 PGS, 8 Tiến sĩ, 10 thạc sĩ, và tỉ lệ giảng viên dưới 40 tuổi chiếm tỉ lệ khá cao, khoảng 50%. Hàng năm, Khoa luôn có kế hoạch tuyển dụng thêm các giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn, ưu tiên những giảng viên học sau đại học từ các nước có nền giáo dục tiên tiến, hiện đại tham gia giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

c) Quản lý cơ sở vật chất phù hợp với định hướng đào tạo

Mục tiêu đào tạo là phát triển năng lực người học, và với tính chất đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành của ngành Việt Nam học thì việc xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản và phù hợp với mục tiêu đào tạo là cần thiết. Hệ thống thư viện được Nhà trường chú trọng phát triển nhằm cung cấp tài liệu tham khảo cho sinh viên kể cả trực tiếp và trực tuyến. Mỗi năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch bổ sung tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình dạy và học toàn trường, trong đó có ngành Việt Nam học. Phòng thực hành các nghiệp vụ cho ngành Việt Nam học hiện nay đang trong quá trình khảo sát và xây dựng. Khi đi vào hoạt động, đây sẽ là yếu tố nâng cao chất lượng đào tạo của khoa. Khoa đã và đang thành lập phương án xin chủ trương, kế hoạch xây dựng các phòng chức năng là cơ sở thực hành, thực tập cho sinh viên nhằm hướng đến nguồn nhân lực du lịch có tay nghề cao, khả năng đáp ứng công việc vào thực tiễn ở mức cao.

2.3.2. Quản lý quá trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội

a) Quản lý kế hoạch đào tạo và giảng dạy của giảng viên

Kế hoạch đào tạo và giảng dạy: Kế hoạch đào tạo của Ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) được xây dựng và sắp xếp một cách hợp lý và khoa học. Các học phần trong chương trình đào tạo đều nắm bắt theo xu hướng đào tạo, nhu cầu nguồn nhân lực trong giai đoạn cụ thể. Đồng thời, luôn áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong dạy và học. Trên cơ sở đó, kế hoạch tuyển sinh được xây dựng và kế hoạch đào tạo được cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tiễn mỗi năm.

Hoạt động dạy – học: Ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) có tính ứng dụng và mang tính thực tiễn cao, do đó, vấn đề cập nhật, đổi mới các phương pháp giảng dạy tiên tiến luôn được khoa đề cao và áp dụng. Các phương pháp dạy học trực tiếp, gián tiếp, trải nghiệm, dạy học tương tác và tự học được áp dụng linh hoạt nhằm mang lại hiệu quả truyền tải kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề du lịch cho sinh viên trong quá trình đào tạo. Đặc biệt đối với các học phần thực hành như Nghiệp vụ nhà hàng, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Thiết kế và điều hành chương trình du lịch, v.v.

b) Quản lý phát triển chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu xã hội

Đây là công tác không thể thiếu trong quản lý đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch). Đầu tiên, việc thiết kế, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đều dựa trên khảo sát nhu cầu đào tạo và đóng góp ý kiến của các bên liên quan như

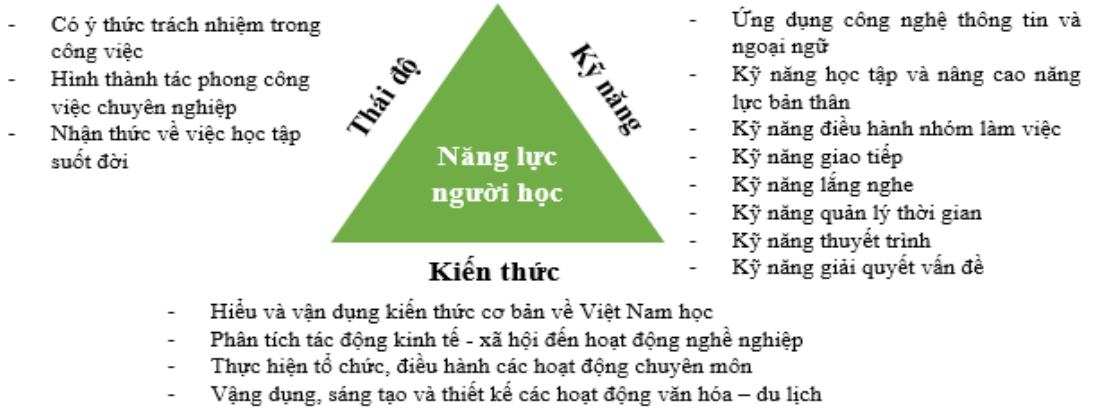
doanh nghiệp du lịch, các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch. Chương trình đào tạo được xác lập, đánh giá và cải tiến định kỳ 4 năm/lần giúp điều chỉnh, cập nhật những thay đổi trong quá trình đào tạo để phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung chương trình đào tạo có cấu trúc logic và có tính tích hợp, được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tiễn của công việc được thể hiện ở chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

c) Quản lý hoạt động kiểm tra và đánh giá kết quả giảng dạy

Đánh giá kết quả học tập là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong quá trình dạy học theo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, có tính phân hóa, định kỳ và thường xuyên. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) được chia thành 2 nhóm chính: Đánh giá tiến trình (On-going/ Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment) với các hình thức đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập, đánh giá thuyết trình, kiểm tra viết hoặc thi, v.v. Các phương pháp đánh giá trên được áp dụng linh hoạt phụ thuộc vào yêu cầu, mục tiêu của từng học phần giúp phát huy năng lực người học. 90% các học phần trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) áp dụng hình thức thi kết thúc học phần là đề thi tự luận, được sử dụng tài liệu nhằm giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo.

Đánh giá năng lực người học: Chương trình đào tạo của ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) bao gồm 51 học phần chuyên ngành được phân loại thành 3 cấp độ: (1) các học phần kiến thức cơ bản giúp sinh viên rèn luyện năng lực thu thập, tổng hợp, vận dụng kiến thức tổng quan về ngành nghề đào tạo; (2) các học phần kiến thức cơ sở ngành giúp sinh viên ứng dụng một số năng lực độc lập để tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa và du lịch; (3) các học phần kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên có khả năng quản lý, tư duy sáng tạo, đổi mới và phát triển nghề nghiệp.

Trên cơ sở đó, đối với mỗi học phần giảng viên sẽ xây dựng và xác lập hệ thống chỉ báo đánh giá năng lực của sinh viên nhằm giúp sinh viên xác định, thiết lập mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện năng lực của bản thân. Hệ thống đánh giá được khái quát theo mô hình dưới đây:



Sơ đồ 3: Đánh giá năng lực người học ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Bên cạnh đó, hoạt động đánh giá năng lực người học có ý nghĩa quan trọng giúp cơ sở đào tạo có kế hoạch giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên và thị trường lao động.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, khảo sát mức độ hài lòng của học viên về cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức hoạt động dạy và học, nội dung học phần được triển khai thường xuyên thông qua hệ thống công nghệ thông tin của trường. Đa số giảng viên giảng dạy ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) được sinh viên đánh giá tốt ở mức điểm 4 - 4,5 trên thang đo 5 bậc. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi trên giúp khoa đo lường hiệu quả hoạt động đào tạo từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

2.3.3. Quản lý các yếu tố đầu ra phù hợp nhu cầu xã hội

Đảm bảo tỷ lệ sinh viên đủ điều kiện ra trường và có việc làm phù hợp với ngành đào tạo là một trong những tiêu chí đo lường hiệu quả đào tạo. Hàng năm, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) dao động từ khoảng 70-80%, trong đó, gần 90% sinh viên có việc làm sau khi ra trường. Cụ thể:

Bảng 1. Tình hình việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch) qua các năm

Năm	Tổng số SV khảo sát	Tình hình việc làm			Tỉ lệ sv có việc làm (%)	Khu vực làm việc			
		Có việc làm	Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Có yếu tố nước ngoài	Tự tạo việc làm
2016	72	68	0	4	94,4	4	52	10	2
2017	114	102	2	10	91,23	8	92	0	2
2018	51	45	2	4	92,16	5	34	6	0
2019	91	82	4	5	94,51	8	68	4	2
2020	79	61	5	13	83,54	2	48	8	3

Nguồn: Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên các năm, Đại học Sài Gòn

Bảng số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ sinh viên có việc làm tương đối cao, khu vực làm việc đa dạng, từ khu vực nhà nước tới tư nhân, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Tỷ lệ trên còn khẳng định chất lượng và hiệu quả đào tạo của Khoa Văn hóa và Du lịch, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Sinh viên ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch) sau khi tốt nghiệp được đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về kiến thức và kỹ năng. Cụ thể: Bà Dương Thị Ngọc Dung (Khách sạn Lam Kinh) cho rằng hầu hết sinh viên có tinh thần học hỏi, ý thức trách nhiệm, nhanh nhẹn, chủ động trong công việc. Tương tự, chị Phạm Thị Dưỡng (Nhà hàng Golden House) cho rằng sinh viên đã ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào công tác đào tạo nhân viên và quản lý bộ phận.

Bên cạnh đó, để hỗ trợ sinh viên tìm việc làm đúng ngành đào tạo, ngành Việt Nam học đã ký kết các biên bản liên kết đào tạo với một số doanh nghiệp trong lĩnh

vực lữ hành và nhà hàng - khách sạn tại TPHCM như Công ty TNHH Du lịch Quốc tế Pearl Holiday Việt Nam, Công ty Du lịch Hoàn Mỹ, Khách sạn Rex Sài Gòn…. nhằm giới thiệu sinh viên làm việc sau khi ra trường.

2.4. Điểm mạnh và hạn chế của mô hình CIPO trong quản lý đào tạo

❖ **Điểm mạnh:** Mô hình CIPO giúp quản lý chất lượng đào tạo thông qua các yếu tố kiểm soát chất lượng đầu vào, kiểm soát quá trình dạy – học và kiểm soát đầu ra. Ngoài ra, mô hình còn quan tâm đến những tác động của bối cảnh bên ngoài. Những yếu tố tác động này có ảnh hưởng lớn tới hoạt động đào tạo ngành du lịch đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo xác định rõ ràng mục tiêu đạt được và tiêu chuẩn cho các chuẩn đầu ra giúp sinh viên và người sử dụng lao động đo lường được hiệu quả đào tạo.

Việc đánh giá sinh viên diễn ra liên tục trong quá trình đào tạo bằng nhiều hình thức khác nhau, do vậy, sinh viên có thể nhận thức được sự tiến bộ của mình để đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Sinh viên phát huy được vai trò chủ thể trong quá trình học tập, nhận thức được ý nghĩa của kiến thức được tích lũy đáp ứng được nhu cầu của xã hội từ đó có thái độ học tập tích cực.

Mô hình CIPO chú trọng tới tiêu chí đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động, do đó, chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội.

❖ **Hạn chế:** Để vận hành được mô hình đào tạo CIPO hiệu quả cần sự đầu tư về cơ sở vật chất đặc biệt là các phòng thực hành nghiệp vụ, trang thiết bị mô phỏng nghề nghiệp… điều này gây khó khăn cho các cơ sở đào tạo khi áp dụng vào thực tế.

Chương trình đào tạo theo CIPO được xây dựng dựa trên sự phân tích tác động của các yếu tố bối cảnh bên ngoài, thường xuyên thay đổi và cập nhật do đó thiếu tính ổn định, đôi khi gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình tiếp cận chương trình đào tạo.

Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong những chỉ số đánh giá hiệu quả đào tạo, tuy nhiên, khó kiểm chứng tính chính xác của kết quả thống kê này.

2.5. Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đào tạo ngành Việt Nam học, Trường Đại học Sài Gòn

2.5.1. Giải pháp quản lý yếu tố đầu vào

Để triển khai hoạt động dạy – học có hiệu quả cần đẩy mạnh hoạt động đánh giá năng lực của người học ngay từ yếu tố đầu vào. Mỗi sinh viên sẽ có năng lực, mức độ nhận thức và kiến thức khác nhau, do đó việc đánh giá sinh viên sẽ giúp sinh viên nhận ra thế mạnh của bản thân mình và là yếu tố cơ bản để dạy học theo hướng phát triển năng lực.

Về chương trình đào tạo: cần rà soát và cải tiến hệ thống học phần dựa trên tham chiếu với các chương trình đào tạo của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới, đào tạo theo hướng mở, có thiết kế các "học kỳ thực tập tại nước ngoài". Chương trình đào tạo cần xây dựng theo hướng ứng dụng nghề nghiệp, có sự góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, phù hợp với nhu cầu xã hội.

Về cơ sở vật chất: cần đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu của đào tạo như phần mềm phục vụ e-learning, website, thư viện điện tử, phòng học đa phương tiện, phòng thực hành mô phỏng... Để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân

lực chất lượng cao cho thời đại hội nhập quốc tế, cần thiết lập hệ sinh thái đại học bao gồm giảng dạy – nghiên cứu – chuyển giao công nghệ. Điều đó sẽ giúp cơ sở đào tạo chủ động xây dựng chương trình phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công việc tại địa phương, giúp nâng cao trình độ nguồn nhân lực du lịch.

Về đội ngũ giảng viên: Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao về cả số lượng và chất lượng, trong đó, chú trọng quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giảng dạy các học phần nghiệp vụ. Cần có nhiều chính sách thích hợp để thu hút, tuyển dụng giảng viên đúng chuyên ngành, chuyên gia nước ngoài về tham gia giảng dạy.

2.5.2. Giải pháp quản lý yếu tố quá trình đào tạo

Hệ thống thang đo đánh giá năng lực người học được xây dựng dựa trên khảo sát nhu cầu xã hội và ý kiến đóng góp của các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp du lịch, các chuyên gia nghiên cứu và người học. Do vậy, thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra đánh giá theo hệ thống thang đo được xây dựng trong chương trình đào tạo nhằm đảm bảo cam kết của chuẩn đầu ra giữa nhà trường và xã hội của sinh viên sau khi ra trường.

Liên kết đào tạo là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay. Doanh nghiệp là nơi thực hành, thực tập của các cơ sở đào tạo, đồng thời, doanh nghiệp sẽ cử các chuyên gia tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập để đào tạo nhân lực theo mục tiêu và yêu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp. Do đó, cơ sở đào tạo cần chủ động liên kết doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp du lịch, bởi các doanh nghiệp vừa có vai trò hỗ trợ các hoạt động đào tạo nghiệp vụ vừa là nơi sử dụng lao động của các cơ sở đào tạo.

2.5.3. Giải pháp quản lý yếu tố đầu ra

Việc hợp tác với các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh du lịch quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý yếu tố đầu ra của chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch). Doanh nghiệp du lịch tham gia vào quá trình góp ý xây dựng chương trình đào tạo, hướng dẫn thực hành, thực tập và sử dụng lao động sau khi tốt nghiệp sẽ đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Từ đó, giúp sinh viên ra trường đạt được những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong quá trình hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Quá trình hội nhập quốc tế đã và đang ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển kinh tế xã hội nói chung và lĩnh vực đào tạo nhân lực nói riêng. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng mô hình CIPO đã đem lại hiệu quả nhất định trong hoạt động quản lý đào tạo đối với ngành Việt Nam học (Văn hóa – Du lịch), Đại học Sài Gòn. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự phân tích tác động của các yếu tố bối cảnh bên ngoài đến các yếu tố đầu vào, yếu tố quá trình và yếu tố đầu ra. Do vậy, nội dung chương trình được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tiễn của xã hội về ngành đào tạo. Tuy nhiên, ngành Việt Nam học Trường Đại học Sài Gòn cần đầu tư về hệ thống cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy nghiệp vụ. Đồng thời, có chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia về giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Điều đó sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, hướng tới đào tạo theo chuẩn năng lực quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Thông tư Số 24 /2015/TT-BGDĐT* về Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học. Hà Nội.

Diệp Anh (2022). *Đào tạo nhân lực du lịch gặp nhiều thách thức.* Truy xuất từ: https://baochinhphu.vn/dao-tao-nhan-luc-du-lich-gap-nhieu-thach-thuc-102220404181953987.htm.

Nguyễn Thị Thanh Bình (2017). Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo theo tiếp cận năng lực hướng tới việc làm. *Tạp chí Nghiên cứu Lý luận, 142,* 87-91.

Nguyễn Nguyên Phong (2019). Nghiên cứu mô hình CIPO trong quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp du lịch. *Kỷ yếu hội thảo "Phát triển nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập"*, tr.673-688.

Tổng cục Du lịch Việt Nam (2019). *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam 2019.* NXB Lao động.

Trường Đại học Sài Gòn (2021, ngày 15 tháng 12). *Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp các năm*. Truy xuất từ https://sgu.edu.vn/.

Trần Văn Long (2015). *Quản lý đào tạo của các Trường Cao đẳng du lịch đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp khu vực Đồng bằng Bắc Bộ.* Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

Trần Thị Quỳnh Loan (2017). Vận dụng tiếp cận CIPO vào quản lý dạy học ở Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên theo hướng xã hội học tập. *Tạp chí Giáo dục, 422,* 8-11.

Ngày nhận bài: 12/3/2022 Biên tập xong: 15/04/2022 Duyệt đăng: 20/04/2022